

LỜI GIỚI THIỆU

NIÊN BIỂU ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH ĐÔN HẬU

Viện Tăng Thống kính gửi đến toàn thể Tăng Ni Phật tử Việt Nam, cùng đồng bào trong và ngoài nước, bản Tiểu sử cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, Chánh Thư ký kiêm Xử lý Viện Tăng Thống, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, từ PL. 2522-2530 (1978-1992). Tiểu sử được viết dưới dạng niên biểu, do các đệ tử của Ngài kể, vào những ngày cuối cùng của đời Ngài.

Đối với đồng bào, trong và ngoài nước, bản niên biểu này không chỉ là tiểu sử của một vị Cao Tăng của Phật giáo Việt Nam mà còn là tấm gương phản chiếu để các thế hệ hiện tại, và nhiều thế hệ tương lai, nhìn thấy trong đó những bước thăng trầm, vinh nhục của dân tộc qua những khúc quanh lịch sử nghiêm trọng đầy nguy hiểm, những lựa chọn sáng suốt hay sai lầm đã và sẽ đưa đất nước chìm đắm trong tối tăm, nghèo nàn, lạc hậu; hay tiến lên ngang tầm thời đại văn minh của loài người giàu nhân ái, bao dung, khát khao tự do, như là những điều kiện tất yếu để tự khẳng định và thể hiện giá trị nhân bản của từng cá nhân.

Đối với Phật Tử Việt nam, đây là tiểu sử hóa thân Bồ tát đã hiến thân cho đời, dẫn bước trên những đoạn đường đầy đầy ma chướng, gánh chịu vô vàn thống khổ của nhân sinh. Chiếc áo nâu sòng thấm màu đất khổ, lặn lội suốt dãy Trường Sơn, trong bom đạn của một cuộc chiến huynh đệ tương tàn; nhẫn nhục bằng tất cả sức mạnh vô úy dưới áp lực khống chế của bạo lực chuyên chính. Uy vũ không khuất phục. Danh vọng không thể quyến rũ. Quyền lực thế gian chỉ là tập hợp của khối cộng nghiệp đen tối. Chân lý mẫu nhiệm của pháp tính là niềm không lay chuyển. Ánh sáng trí tuệ phát sinh từ tư duy quán chiếu là ngọn đuốc soi đường. Bi nguyện là nguồn năng lượng không hề vơi cạn để vượt qua sa mạc sinh tử mê mờ. Đây là tất cả giá trị nhân bản hàm tàng nội dung Phật tính dựng lên hình ảnh của bậc đại nhân, là vị Lãnh đạo tinh thần cao cả của Phật Giáo Việt nam, đã hướng dẫn Phật tử học đạo và hành đạo đúng theo chánh Pháp, chỉ rõ ý nghĩa chân thật của lẽ sống, phân biệt rõ ràng đường tà, nẻo chánh, để Phật tử Việt nam sống và hành động chân chính, thể hiện phẩm chất trong sáng, thuần tịnh của người Phật tử, hành đạo vì ích lợi cho mình và cho mọi người, trong đời này và đời sau.

Đối với Tăng Ni Việt Nam, cuộc đời đạo hạnh và hy sinh của Ngài là nhân cách lý tưởng luôn luôn được chiêm ngưỡng và noi theo. Đó là nhân cách và khi dẫn thân vào chợ đời trước loạn nhưng tâm tư không hề bị ô nhiễm và nhiễu loạn; khi bị vây khốn trong vòng vây quyền lực thế gian nhưng vẫn an nhiên tự tại tiến bước theo đường hướng đã tự mình chọn lựa, mặc dù con đường chênh vênh giữa sống và chết, vinh và nhục. Đó là bậc Thượng sỹ xuất trần mà vẫn không bỏ rơi trần gian khổ lụy, Ngài đã dày công kết dệt sợi dây điều ngự của Ba-la-đề-mộc-xoa, làm giềng mối cho Tăng luân; duy trì và quảng diễn Tì-ni tạng để cho mạng mạch của Chánh pháp trường tồn.

Thế gian có thành, có hoại; triều đại có hưng có phế; hóa sinh của Bồ tát có sinh có diệt. Nhưng tâm nguyện của bậc Đại Sỹ như hư không, chẳng hề giao động, và không có chỗ tận cùng. Nguyện cho gương sáng của Ngài mãi mãi được ngời sáng trong ánh sáng từ bi và trí tuệ mười phương Chư Phật, Bồ tát, vô lượng Thánh chúng.

Nghĩa Hành, ngày 20 tháng 7 năm Canh Thìn,
Nhằm ngày 19 tháng 8 Tây lịch 2000
Xử lý Thường vụ Viện Tăng Thống
Tỳ kheo Thích Huyền Quang (ấn ký)

NIÊN BIỂU
ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG
THÍCH ĐÔN HẬU

Chánh Thư ký,
Xử lý Viện Tăng Thống
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Ất Ty, 1905: Hòa Thượng sinh giờ Tý (từ 23 giờ đến 1 giờ), ngày Hợi, 13 tháng Giêng (16-02 dương lịch), niên hiệu Thành Thái năm thứ 17, tại làng Xuân an, tổng An Đôn, phủ Triệu phong, tỉnh Quảng Trị.

Canh Tuất, 1910: Bắt đầu học chữ Hán với cụ đồ Nho trong làng.

Giáp Dần, 1914: Thân mẫu mất, Hòa thượng thọ tang mẹ lúc lên 9 tuổi.

Bính Thìn, 1916: Hòa thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh về thăm nhà, ghé thăm thân phụ Hòa thượng và đoán tướng cho Hòa thượng năm lên 11 tuổi.

Đinh Ty, 1917: Hòa thượng vừa học chữ Hán với các sĩ phu, vừa được thân phụ cho lên trường huyện học thêm chữ Quốc ngữ.

Tân Dậu, 1921: Đậu bằng tiểu học (Certificat d'études primaires) chương trình Pháp Việt.

Nhâm Tuất, 1922: Ngày 19.9 âm lịch (tức 07.11 dương lịch), niên hiệu Khải Định năm thứ 8, Hòa thượng xuất gia, vào chùa Tây Thiên đầu sư với Tổ khai sơn Thanh Ninh Tâm

Tịnh. Năm đó Hòa thượng lên 17 tuổi (tính tròn 17 năm 8 tháng 22 ngày).

Quý Hợi, 1923: Ngày 10.6 âm lịch (tức 23.7 dương lịch), Hòa thượng thọ Sa di giới tại giới đàn Thuyền tôn, Huế, được Bổn sư đặt pháp danh TRÙNG NGUYỄN, pháp hiệu ĐÔN HẬU.

Giáp Tý, 1924: Ngày 15.6 âm lịch (tức 16.7 dương lịch), niên hiệu Khải Định năm thứ 9, Hòa thượng thọ Tam đàn Cụ túc giới tại Đại giới đàn chùa Từ Hiếu, Huế.

Bính Dần, 1926: Ngày 06 tháng 3 âm lịch (tức 17.4 dương lịch), Hòa thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh viên tịch. Sau lễ chung thất Bổn sư, Hòa thượng được nhị vị pháp huynh, là Hòa Thượng Trường Văn Giác Nguyên và Trường Thùy Giác Nhiên, gửi qua chùa Thệ Đa Lâm (tức chùa Hồng Khê ngày nay) tiếp tục tu học với pháp huynh là Hòa thượng Trường Huệ Giác Viên.

Đinh Mão, 1927: Hòa thượng lại được Hòa thượng Trường Huệ Giác Viên gửi vào chùa Thập Tháp, (tỉnh Bình Định) tham học với Hòa thượng Quốc sư Phước Huệ.

Nhâm Thân, 1932: Sau 5 năm chuyên cần theo học chùa Thập Tháp, Hòa thượng trở về Huế và được An Nam Phật học Hội mời vào làm giảng sư nòng cốt của hội.

Giáp Tuất, 1934: Hòa thượng bắt đầu công việc trước tác và biên soạn. Bài đầu tiên Hòa thượng biên soạn là bài “Giảng Giải Danh Từ Phật”, giảng tại Hội quán Phật học Hội, chùa Từ Quang, Huế, ngày 15.1 và sau đó đăng trên tạp chí Viên Âm, cơ quan hoằng pháp của An Nam Phật học Hội, số 14 năm 1935.

Ất Hợi, 1935: An Nam Phật học Hội bắt đầu khai giảng Phật học viện với 3 trường Sơ đẳng, Trung đẳng, và Cao đẳng tại chùa Tây Thiên. Hòa thượng tiếp tục học chương trình Cao đẳng. Vừa học Cao đẳng, vừa được mời

dạy cho các lớp học sinh trường Trung đẳng của Viện.

Bính Tý, 1936: Hòa thượng biên soạn bài “Chánh Tín và Mê Tín”, giảng tại Hội quán Phật học Hội, chùa Từ Quang, Huế vào 05.5 dương lịch, đăng trên tạp chí Viên Âm số 20, năm thứ 2, tháng 3 và 4. Hòa thượng phỏng thuật theo Kinh Pháp Cú “Chuyện Nàng Liên Hoa”, đăng trên tạp chí Viên Âm số 21, năm thứ 2, số tháng 5 và 6.

Đinh Sửu, 1937: Hòa thượng biên soạn tác phẩm “Đâu Là Con Đường Hạnh Phúc”, đăng trên tạp chí Viên Âm số 27 và 28.

Mậu Dần, 1938: Hòa thượng tốt nghiệp văn bằng Đại học Phật giáo với hạng ưu. Hòa thượng được An Nam Phật học Hội cử đi thuyết pháp tại Đà Nẵng, Quảng Nam, khắp 17 tỉnh miền Trung và một số tỉnh ở miền Nam.

Canh Thìn, 1940: Hội Phật tử Việt kiều tại Savanakhet, Vương quốc Lào, mời Hòa thượng sang dự lễ khánh thành chùa Diệu Giác và thuyết pháp.

Nhâm Ngọ, 1942: Hội Phật tử Việt kiều tại Savanakhet, Vương quốc Lào, lại mời Hòa thượng sang thuyết pháp. Lần này Hòa thượng có dịp diện kiến Đức Vua Sãi tại thủ phủ Vạn tượng.

Ất Dậu, 1945: An Nam Phật học Hội đổi danh hiệu thành Việt Nam Phật học Hội. Đại hội đồng thường niên năm thứ XIII công cử Hòa thượng giữ chức vụ Chánh Hội trưởng Việt Nam Phật học Hội, thay thế Bác sĩ Lê Đình Thám. Hội đồng Sơn môn Tăng già công cử Hòa thượng lên trú trì chùa Linh Mục.

Bính Tuất, 1946: Đại hội bất thường của các Hội đoàn Phật giáo miền Trung mời Hòa thượng kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội Phật giáo Liên hiệp Trung bộ.

Đinh Hợi, 1947: Hòa thượng tháp tùng nhị vị Hòa thượng Trừng Văn Giác Nguyên và Trừng Thùy Giác Nhiên chạy tản cư về làng An Xuân. Tại đây, Hòa thượng bị thực dân Pháp bắt giam 3 ngày rồi thả. Trở về chùa Linh Mục một thời gian ngắn, Hòa thượng lại bị thực dân Pháp bắt. Lần này, Hòa thượng bị tra tấn dã man trên 10 ngày, rồi bị bắt tự mình đào huyệt để bán mà chôn. Hòa thượng an nhiên tự tại vừa đào huyệt, vừa trì chú Đại Bi. Nhờ có Sư bà Tâm Hảo Diệu Không và Cư sĩ Tâm Huệ Tráng Đình can thiệp kịp thời với bà Hoàng Thái hậu Từ Cung và Hoàng hậu Nam Phương, nên được trả tự do vào giờ phút sắp bị đưa ra hành hình.

Cũng trong năm này, sau khi dân chúng Huế hồi cư, Hòa thượng bắt đầu lo việc đại trùng tu chùa Linh Mục lần thứ nhất.

Mậu Tý, 1948: Ngày mồng 8 tháng 2 âm lịch, kỷ niệm Đức Phật Thích Ca xuất gia, cũng là ngày Phật học đường Báo Quốc và Ni viện Diệu Đức tái khai giảng, Hòa thượng được mời làm Giáo thọ cho cả hai trường. Hòa thượng lại luân chuyển đảm nhận các chức vụ quan trọng như Yết ma, Giáo thọ, Tuyên luật sư trong các Đại giới đàn được tổ chức tại các chùa Báo Quốc, Từ Hiếu, Huế; chùa Long Sơn, Nha Trang; chùa Ấn Quang, Sài Gòn.

Canh Dần, 1950: Vì có nhiều Phật sự quan trọng rất cần đến Hòa thượng, nên Đại hội đồng thường niên lần thứ XIX đã công cử Cư sĩ Chơn An Lê Văn Định lên giữ chức Chánh Hội trưởng Hội Việt Nam Phật học thay thế Hòa thượng. Hòa thượng lên đảm nhận trọng trách Cố vấn Giáo hạnh. Hòa thượng biên soạn bài “Ý Nghĩa Ngày Từ Thiện Phật Giáo”, giảng giải tại nhà Đại chúng, Huế, hôm 4.4 âm lịch.

Tân Mão, 1951: Hòa thượng là thành viên Ban Tổ chức Đại hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam gồm 6 tập đoàn Tăng già và Cư sĩ thuộc ba miền Bắc – Trung – Nam Việt Nam,

họp tại chùa Từ Đàm, Huế. Đại hội Giáo hội Tăng già Trung Việt công cử Hòa thượng lên giữ chức Giám luật Giáo hội Tăng già Trung Việt.

Nhâm Thìn, 1952: Đại hội Giáo hội Tăng già toàn quốc họp tại chùa Quán Sứ, Hà Nội, công cử Hòa thượng lên chức vụ Giám luật Giáo hội Tăng già toàn quốc.

Bính Thân, 1956: Hòa thượng sáng lập và làm Chủ nhiệm Liên Hoa Văn Tập, cơ quan hoằng pháp của Giáo hội Tăng già Trung phần, tòa soạn đặt tại Huế. Hòa thượng cùng với Hòa thượng Tâm Phật Thiện Siêu trích dịch và biên soạn bộ “Nghi Tụng Giới của Tại Gia Bồ Tát”, Giáo hội Tăng già Trung phần ấn hành. Hòa thượng viết bài “Định Hưởng” đăng trên Liên Hoa Văn Tập số 2; và bài “Nhiệm Vụ Phật Tử Trước Tình Thế Hiện Tại” đăng trên Liên Hoa Văn Tập bộ mới, số 6.

Đinh Dậu, 1957: Hòa thượng lo việc đại trùng tu chùa Linh Mục lần thứ hai. Đây là lần trùng tu có tính quy mô và bền bỉ nên Hòa thượng cho thay thế cột kèo, đòn tay gỗ bằng bê tông cốt thép rất kiên cố, hóa trang như gỗ, nhờ thế vẫn giữ các đường nét mỹ thuật của kiến trúc Á đông cổ.

Mậu Tuất, 1958: Liên Hoa Văn Tập đổi tên ra Liên Hoa Nguyệt San, nâng lên thành cơ quan Hoằng pháp của Giáo hội Tăng già toàn quốc. Hòa thượng vẫn giữ trọng trách Chủ nhiệm. Hòa thượng viết bài “Kiểm Điểm” đăng trên Liên Hoa Nguyệt San số 1. Hòa thượng viết lời giới thiệu cho tác phẩm “Thảo Luận Với Bác Sĩ Ba-khắc-sum” do Thượng tọa Nguyên Tánh Đức Tâm dịch, tòa soạn Liên Hoa Nguyệt San ấn hành.

Kỷ Hợi, 1959: Hòa thượng biên soạn tác phẩm “Nhiệm Vụ Cần Thiết của Một Phật Tử”; viết bài “Tôn Ý” đăng trong tập Kỷ yếu của Đại hội kỳ II Giáo hội Tăng già toàn quốc họp tại chùa Ấn Quang, Sài Gòn.

Canh Tý, 1960: Hòa thượng viết bài “Cảm Ứng Tự Nhiên” đăng trong đặc san kỷ niệm Đức Quán Thế Âm Bồ tát, ngày 19.9 âm lịch, tại chùa Non Nước, Đà Nẵng. Hòa thượng biên soạn tác phẩm “Tứ Nhiếp Pháp”, nhà xuất bản Liên Hoa ấn hành.

Tân Sửu, 1961: Hòa thượng biên soạn tác phẩm “Cách Thức Sám Hối Các Tội Đã Phạm”, do Giáo hội Tăng già Trung phần ấn hành.

Nhâm Dần, 1962: Hòa thượng biên soạn tác phẩm “Phương Pháp Tu Quán”, do Giáo hội Tăng già Trung phần ấn hành.

Quý Mão, 1963: Hòa thượng là thành viên Ban lãnh đạo Phong trào tranh đấu của Phật giáo Việt Nam chống chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền Ngô đình Diệm.

Nhận giáo chỉ của Hòa thượng Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, Trường Thông Tịnh Khiết, Hòa thượng ra chỉ đạo cuộc tranh đấu tại tỉnh Quảng Trị. Sau đó, trở về Huế chỉ đạo phong trào tranh đấu ở chùa Diệu Đế. Đêm 20.8 dương lịch, chính quyền Ngô Đình Diệm tấn công chùa Diệu Đế, bắt Hòa thượng về giam tại Ty Cảnh sát Thừa Thiên. Nhờ sự trầm tĩnh và khôn khéo cùng sự hỗ trợ của Phật giáo đô Huế, nên một thời gian ngắn Hòa thượng cùng nhiều Hòa thượng, Thượng tọa khác được trả tự do. Sau đó, Hòa thượng bị bệnh dạ dày nên phải vào điều trị ở bệnh viện Ngô Quyền, Huế.

Hòa thượng viết đơn xin tự thiêu để cúng dường Phật Pháp, nhưng không thực hiện được đại nguyện, vì nhị vị Sư bà Tâm Luân Thế Quán và Tâm Định Cát Tường đã cung kính đánh lễ xin Hòa thượng không nên thực hiện ý định ấy, vì sẽ mất đi một người lãnh đạo trong lúc Phật giáo đang ở vào giai đoạn cam go và quyết liệt như sợi chỉ mảnh treo chuông.

Hòa thượng tiếp xúc và phê bình sự sai trái của “Ủy ban Phật giáo thuần túy”, do chính quyền Ngô Đình Diệm dựng lên với mưu đồ ly gián và làm suy yếu cuộc đấu tranh của Phật giáo.

Hòa thượng tiếp kiến và trả lời những câu hỏi của phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc tại khách sạn Thuận Hóa, Huế (nay là khách sạn Hương Giang 1) về việc chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp dã man Phật giáo đồ Việt Nam.

Ngày 3.11 dương lịch, sau khi chế độ độc tài Ngô Đình Diệm bị lật đổ, nhân danh Giám luật Giáo hội Tăng già toàn quốc, Hòa thượng gửi “Lời kêu gọi” khẩn thiết đến chư Tăng Ni và Phật giáo đồ trên toàn quốc.

Giáp Thìn, 1964: Ngày 30.12 dương lịch, Hòa thượng tham dự Đại hội nghị của 11 giáo phái và Hội đoàn Phật giáo Việt Nam, tổ chức tại chùa Xá Lợi, Sài Gòn, để thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Đại hội công cử Hòa thượng vào chức vụ Chánh Đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tỉnh Thừa Thiên.

Ất Ty, 1965: Hòa thượng làm Yết ma cho Đại giới đàn Vạn Hạnh, tổ chức tại chùa Từ Hiếu, Huế, quy tụ 1000 giới tử.

Bính Ngọ, 1966: Nhân danh Chánh Đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất miền Vạn Hạnh, Hòa thượng lãnh đạo cuộc đấu tranh bất bạo động chống đàn áp Phật giáo của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn

Cao Kỳ – một chế độ được mệnh danh là chế độ “Diêm không có Diêm”.

Đinh Mùi, 1967: Hòa thượng viết lời giới thiệu cho tác phẩm “Đại Cương Thiền Quán” của Đại đức Nguyên Chứng Tuệ Sỹ, viết lời giới thiệu cho tác phẩm “Pháp Môn Tịnh Độ” của Sư bà Tâm Luân Thế Quán.

Mâu Thân, 1968: Lúc 23 giờ ngày 19.01 âm lịch (tức ngày 12.02 dương lịch), nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam, dưới danh nghĩa Mặt trận Dân tộc Giải phóng, ra lệnh cho một toán người võ trang đến chùa Linh Mục “mời” Hòa thượng lên Trường Sơn. Lúc ấy, thời tiết đang giá lạnh, bệnh xuất huyết dạ dày của Hòa thượng tái phát trầm trọng, cộng thêm bao trọng trách Giáo hội giao phó, Hòa thượng viện dẫn nhiều lý do để từ khước lời “mời”. Nhưng nhóm võ trang nài cơ “có lệnh trên”, cưỡng ép đặt Hòa thượng lên cang khiêng đi.

Ất Mão, 1975: Trở lại Huế, nhưng bị giữ chân tại viện Đại học Huế. Một thời gian sau mới được phép về chùa Linh Mục. Sau đó, Hòa thượng vào Sài Gòn thăm và phát biểu về con đường hoằng pháp ở thời nghịch chướng trước Hội đồng Lưỡng viện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất tại chùa Ấn Quang. Hội đồng Lưỡng viện cung thỉnh Hòa thượng vào Hội đồng Trưởng lão và công cử Hòa thượng giữ chức vụ Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Bính Thìn, 1976: Hòa thượng bắt đầu đi giảng dạy Kinh, Luật, Luận cho nhiều lớp Tăng Ni ở các chùa Báo Quốc, Linh Quang, Linh Mục.

Đinh Tỵ, 1977: Hòa thượng biên soạn “Đồng Mông Chỉ Quán”, quay ronéo. Làm Đàn đầu Hòa thượng tại Đại giới đàn Báo Quốc, quy tụ hơn 500 giới tử.

Mâu Ngọ, 1978: Hòa thượng viết thư cho nhà cầm quyền Cộng sản phản đối “Những vụ bắt bớ, giam cầm nhiều vị Thượng tọa trong Hội

đồng lãnh đạo cao cấp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất và trong các Ban Đại diện Tỉnh" trong suốt 2 năm qua, mà không được trả tự do, cũng không xét xử vì tội trạng gì họ bị giam giữ. Đặc biệt vụ công an bắt giam và tra tấn Thượng tọa Thích Thiện Minh đến chết.

Kỷ Mùi, 1978: Đại lão Hòa thượng Trừng Thùy Giác Nhiên, Đệ nhị Tăng Thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, viên tịch. Hội đồng Lưỡng viện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất cung thỉnh Hòa thượng kiêm nhiệm chức vụ Xử lý Viện Tăng Thống.

Hòa thượng biên soạn bài "Giảng Về Ý Nghĩa Chữ Tử", chưa xuất bản.

Tân Dậu, 1981: Hòa thượng gửi Thông điệp Phật Đản, Phật lịch 2525. Làm Đản đầu Hòa thượng cho Đại giới đàn tổ chức tại chùa Báo Quốc, Huế, quy tụ hơn 700 giới tử. Hòa thượng làm lễ quy y và truyền giới cho hơn 1000 phật tử tại chùa Sắc Tứ Tịnh Quang ở Quảng Trị.

Hòa thượng biên soạn tác phẩm "Giảng Phẩm Tựa Kinh Bảo Đàn", chưa xuất bản.

Ban tổ chức Đại hội Thống nhất Phật giáo của Nhà nước gửi thư mời Hòa thượng tham dự đại hội, tổ chức tại chùa Quán Sứ, Hà Nội, từ ngày 4 đến 7.11 dương lịch. Nhưng Hoà thượng từ chối không tham dự. Mặc dù vắng mặt, Đại hội này vẫn cử Hòa thượng vào chức Đệ nhất phó Pháp chủ kiêm Giám luật Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Nhà nước). Hoà thượng lại viết thư từ khước, vì lý do Hòa thượng "còn một trách nhiệm lớn đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, trong cương vị Chánh Thư ký kiêm Xử lý Viện Tăng Thống".

Nhâm Tuất, 1982: Hòa thượng gửi Thông điệp Phật Đản, Phật lịch 2526. Hòa thượng bắt đầu lặng lẽ một mình trong liêu, tự mình điều chỉnh máy ghi âm, và tự thuật khoảng đời giông tố vừa qua vào hai cuốn băng từ, dài 135 phút. Các câu chuyện kể trong "Lời tự thuật" này là sử liệu quan trọng và vô giá cho dân tộc và Phật giáo Việt Nam ở hậu bán thế kỷ XX.

Nhân danh Chánh Thư ký kiêm Xử lý Viện Tăng Thống, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Hòa thượng ký công văn số 02-82/Viện Tăng Thống, đề ngày 14.7 dương lịch, gửi cho Hòa thượng Thích Trí Thủ, Chủ tịch Hội đồng Tri sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Nhà nước), cực lực phản đối việc Ban Tri sự Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh ngang nhiên đến đoạt thủ Trụ sở Trung ương của Hội đồng Lưỡng viện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại chùa Ấn Quang, Sài Gòn.

Quý Hợi, 1983: Làm Đản đầu Hòa thượng cho Đại giới đàn Bi giới tại chùa Trúc Lâm, Huế. Hòa thượng cảm thán bài Kệ, theo thể cổ phong ngũ ngôn tứ tuyệt:

*Hành thâm tỳ ni tạng
Giới thể tịnh trang nghiêm
Định lực tôi ma đạo
Tuệ quang chiếu giác viên*

Giáp Tý, 1984: Hoà thượng biên soạn tác phẩm "Khóa Nghi Điển Giảng Đản Bạt Độ Giải Oan", chưa xuất bản.

Ất Sửu, 1985: Ngày 10.12 dương lịch, Hòa thượng viết thư cho Bộ trưởng Bộ Nội vụ, CHXHCNVN, Mai chí Thọ, yêu cầu trả tự do cho các Đại đức Tâm Phật Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), Nguyễn Chứng Tuệ sỹ và Nguyễn Giác.

Bính Dần, 1986: Hòa thượng cho đại trùng tu chùa Long an, ngôi chùa do thân phụ Hòa thượng xây dựng tại tỉnh Quảng Trị.

Hòa thượng cho kết tập những bài biên soạn và giảng dạy tại các Phật học viện, ấn hành thành tác phẩm "Luật Tứ Phần Tử Khứ Ni Sao". Đến giữa mùa xuân, Hòa thượng lâm trọng bệnh, thất chúng đệ tử tưởng rằng Hòa thượng không qua khỏi. Nhưng nhờ sự tận tâm chăm sóc của các y, bác sĩ Phật tử, trong đó có Bác sĩ Lê Văn Bách, nên sau 3 tháng chữa trị Hòa thượng bình phục. Tuy để lại di chứng, nên thể trạng Hòa thượng không còn được như trước.

Mậu Thìn, 1988: Ngày mồng 3 tháng giêng âm lịch, tức 19.2 dương lịch, Hòa thượng ban lời Di huấn cho thất chúng đệ tử, gồm 6 điều, điều nào cũng thể hiện nổi ưu tư, lo lắng của Hòa thượng về việc nghiêm trì giới luật của chư Tăng, và sự hưng vong của Đạo pháp.

Tân Mùi, 1991: Ngày mồng 3 tháng 8 âm lịch, tức 19.2 dương lịch, Hòa thượng gửi bức "Tâm Thư" đến chư Tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni Việt Nam ở Hải ngoại, kêu gọi sự đoàn kết hòa hiệp, thể hiện tinh thần tương kính, tương thuận, tương giáo, tương sám như Luật dạy, để hoằng dương và bảo vệ Đạo pháp.

Ngày 29.9 âm lịch, tức ngày 31.10 dương lịch, nhân danh Chánh Thư ký kiêm Xử lý Viện Tăng Thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Hòa thượng ký gửi bức "Thông điệp" đến chư Tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni và Đồng bào Phật tử Việt Nam ở Hải ngoại gồm 4 điều. Qua đó, Hòa thượng khuyến thỉnh thành lập một Giáo hội hợp nhất, lấy tên là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại Hải ngoại. Nguyên tắc tổ chức căn bản dựa theo Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đã ban hành ngày 04.1.1964 và đặt dưới sự điều hành

của Hội đồng Lương viện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại quê nhà.

Bức Thông điệp của Hòa thượng đã được sự hưởng ứng nồng nhiệt của tất cả mọi tổ chức Phật giáo Việt Nam trên thế giới.

Ngày 10.10 âm lịch, tức ngày 15.11 dương lịch, nhân danh Chánh Thư ký kiêm Xử lý Viện Tăng Thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Hòa thượng ký gửi bản "Chức Thư" đến chư Tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa trong Hội đồng Lương viện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Bản Chức thư gồm 5 điều, thể hiện quyết tâm cao cả của Ngài, là mong quý Hòa thượng, Thượng tọa trong Hội đồng Lương viện đặc biệt lưu tâm đến những vấn đề quan trọng của Giáo hội, dù ở hoàn cảnh khó khăn nào cũng phải bảo vệ và phát huy cho được sự toàn vẹn và lớn mạnh của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Vì Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất là Giáo hội duy nhất được sự truyền thừa của chư Lịch đại Tổ sư, qua suốt dòng lịch sử huy hoàng 2000 năm của Phật giáo Việt Nam. Ngài trao quyền điều hành Giáo hội cho các Hòa thượng Thích Huyền Quang, Thích Pháp Tri và Thích Quảng Độ, cùng tiến hành tổ chức Đại hội VIII, và đặc biệt lưu tâm đến Giáo hội ở Hải ngoại.

Nhâm Thân, 1992: Vào lúc 20 giờ, ngày 21.3 âm lịch, tức ngày 23.4 dương lịch, Hòa thượng được tôn trí trang nghiêm trong phương trượng, nơi thường trú của Hòa thượng tại chùa Linh Mục. Tang lễ được Hội đồng Lương viện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất cùng Ban tổ chức tang lễ cử hành đúng theo lời Di huấn tha thiết của Ngài là đơn giản, trang nghiêm, đạo vị, nhưng yêu cầu "các cơ quan, đoàn thể công tư có lòng đến thăm viếng, phúng điếu, xin mời giữ yên lặng tưởng niệm là đủ. Miễn tất cả sớ ai, điệp ai, tiểu sớ hoặc tuyên dương công đức... trái với tinh thần vô ngã, vô tướng

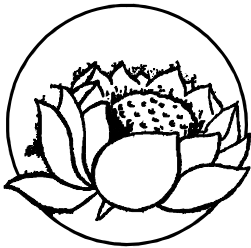
của Phật Pháp. Hãy nhường những việc làm ấy cho lịch sử mai hậu".

Lễ cung nghinh kim quan Hoà thượng nhập bảo tháp được tổ chức trọng thể và trang nghiêm vào lúc 6 giờ sáng ngày mồng 1 tháng 4 âm lịch, tức ngày 3.5 dương lịch. Đến dự lễ nhập tháp có đông đủ chư Tôn đức lãnh đạo trong Hội đồng Lương viện Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất - trừ chư vị đang bị nhà cầm quyền Cộng sản giam giữ hay quản thúc - cùng với chư Tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni và hai vạn tín đồ Phật giáo, hàng ngàn Huynh trưởng, Đoàn sinh, đại diện Gia Đình Phật tử về từ khắp các tỉnh miền Nam cũ.

Bảo tháp của Hòa thượng được xây dựng phía hậu tẩm điện thờ Đức Quán Thế Âm Bồ tát trong khuôn viên chùa Linh Mục.

Nghĩa Hành, ngày 20 tháng 7 năm Canh Thìn,
Nhằm 19 tháng 8 Tây lịch 2000

Văn phòng Viện Tăng Thống soạn thảo.



**HÀNH TRẠNG CỦA
ĐỨC ĐỆ TAM TĂNG THỐNG,
CỐ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG
THÍCH ĐÔN HẬU,**



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO
VIỆT NAM THỐNG NHẤT**

Cố Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu, nguyên Chánh Thư ký kiêm Xử Lý Viện Tăng Thống, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, thuộc thế hệ thứ 8 của phái Thiên Thiết Diệu Liễu Quán, Pháp danh TRỪNG NGUYỄN, hiệu ĐÔN HẬU, xuất gia và thọ Cụ túc giới với Hòa Thượng Bổn sư là Tổ Tâm Tịnh, khai sơn chùa Tây Thiên, Huế, cùng với các pháp huynh là chư Hòa thượng Giác Nguyên, Giác Viên, Giác Tiên, Giác Nhiên...

Thế danh, Diệp Trương Thuận, sinh giờ Tý ngày Hợi 13 tháng Giêng năm Ất Tỵ (16.2.1905), quê quán làng Xuân An, tổng An Đôn, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn Xuân An, xã Triệu Thượng, quận Triệu Phong). Ngài xuất thân trong một gia đình Nho giáo, nhưng quy ngưỡng thuần hành về đạo Phật. Thân phụ là cụ Diệp Văn Kỳ, một lương y nổi tiếng sau xuất gia học Phật với Tổ Hải Thiệu, Pháp danh Thanh Xuân, tự Sung Mãn, đắc pháp với Tổ Tâm Truyền được pháp hiệu là Phước Điền, khai lập chùa Long An ở Quảng Trị và kế tục trú trì chùa Sắc Tứ Tịnh Quang. Thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Cự, mất sớm khi Ngài lên 9 tuổi.

Sau mười năm đèn sách, Ngài lâu thông Nho học. Nhưng nhận thấy nhân sinh và vũ trụ quan của hai hệ thống Lão Khổng không đáp ứng được chí nguyện cứu đời và giác ngộ bản thân, năm 17 tuổi, Ngài vào chùa Tây Thiên đánh lễ Tổ sư Tâm Tịnh xin được xuất gia ngày 19 tháng 9 Nhâm

Tuất (7.11.1922) nhằm ngày kỷ niệm Quan Âm Đại Sĩ. Nhờ học hạnh tối ưu, chí nguyện kiên trì, đúng một năm sau (10.6 âm lịch tức 23.7.1923), Ngài thọ Sa di giới tại giới đàn Thuyền Tôn, Huế và một năm sau (1924) được đặc cách thọ Tam đàn Cụ túc giới tại Đại giới đàn Từ Hiếu, Huế, do chính Bổn sư của Ngài làm Đàn đầu Hoà Thượng. Hai năm sau (1926) Bổn sư viên tịch, Ngài đến chùa Hồng Khê cầu pháp với sư huynh Giác Viên. Năm 1927, trường Thập Tháp do Tổ Phước Huệ khai mở, Ngài cùng với chư vị Chánh Huy, Chánh Thống, Viên Quang...vào Bình Định tham học. Năm 1932, Hội An Nam Phật học ra đời, mở trường Trung học, Đại học Phật giáo tại Tây Thiên, cung thỉnh Tổ Phước Huệ ra làm Giáo thọ, Ngài tiếp tục theo học chương trình Đại học ở đây và được bầu làm thủ chứng cả hai trường. Cũng trong năm này, Ngài dạy bậc Trung học tại Phật học đường Tây Thiên. Sau đó, Ngài làm Giáo thọ cho Phật Học Đường Báo Quốc và Ni viện Diệu Đức, Huế.

Năm 1936, vào tuổi 31, Ngài tốt nghiệp ưu hạng Đại học Phật giáo và là một trong những cột trụ của phong trào chấn hưng Phật giáo, vị giảng sư nòng cốt, tiên phong của Hội An Nam Phật học khắp các tỉnh miền Trung, đặc biệt tại Quảng Nam, Đà Nẵng. Năm 1940, 1942, hai lần Ngài sang Lào thuyết giảng tại các tỉnh đông đảo Việt kiều, gặp Vua Sải và tham lễ nhiều nơi trên Vương Quốc Phật Giáo này.

Năm 1945, Ngài thay thế Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám giữ chức Chánh Hội trưởng Viện Nam Phật học Hội (tên mới của An Nam Phật học Hội), và nhận chức trú trì Quốc tự Linh Mục. Năm 1947, bị quân đội Pháp bắt, tra tấn, sau nhiều ngày bị bắt tự đào huyết để xử bắn, Ngài vừa đào huyết cho mình vừa trì tụng Chú Đại Bi mà thoát nạn. Năm 1948, Ngài làm cố vấn Đạo hạnh Hội Phật học Trung phần và làm Tuyên luật sư Đại giới đàn Báo quốc, Huế. Năm 1949, Ngài thay thế Cư sĩ Chơn An Lê Văn Định giữ chức Chánh Hội trưởng Tổng trì sự Hội Phật học. Năm 1951, Ngài là thành viên Ban Tổ Chức Đại hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam, gồm 6 tập đoàn Tăng già và Cư sĩ thuộc ba miền Bắc – Trung – Nam Việt Nam, họp tại chùa Từ Đàm, Huế. Đại hội Giáo hội Tăng già Trung Việt công cử Hoà Thượng lên giữ chức

Giám Luật Giáo Hội Tăng Già Trung Việt. Năm 1952, Đại hội Giáo Hội Tăng già toàn quốc họp tại chùa Quán Sứ, Hà Nội, công cử Hoà Thượng giữ chức vụ Giám Luật Giáo Hội Tăng Già toàn quốc. Năm 1956, Ngài thành lập và làm Chủ nhiệm Liên Hoa Văn Tập, đến năm 1958 đổi thành Liên Hoa Nguyệt San.

Năm 1963, Ngài tham gia hàng ngũ lãnh đạo đấu tranh chống chính sách kỳ thị, đàn áp Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm. Bị bắt tại chùa Diệu Đế vào đêm pháp nạn 20.8.1963. Đại hội Thống nhất Phật giáo năm 1964 tại Sài gòn suy cử Ngài làm Chánh Đại diện miền Vạn Hạnh. Năm 1965, Ngài làm Yết Ma Đại giới đàn Từ Hiếu, Huế. Năm 1966, Ngài hướng dẫn Tăng tín đồ miền Trung tranh đấu giải trừ pháp nạn dưới chế độ Thiệu – Kỳ.

Năm 1968, Ngài đứng lên vận động chư Tôn Đức, như các Hoà Thượng Mật Hiên, Mật Nguyễn... mở lớp chuyên khoa Phật học 4 năm tại chùa Linh Quang, Huế, và Ngài trực tiếp dạy Luật. Vào lúc 23 giờ ngày 19 tháng Giêng năm Mậu Thân (12.2.1968), trong khi đang bị xuất huyết dạ dày trầm trọng, Ngài bị cộng sản vào bắt tại Tổ đình Linh Mục gán lên chiến khu.

Năm 1975, chiến tranh chấm dứt, Ngài trở về Huế, nhưng bị nhà cầm quyền giữ chân một thời gian trong khuôn viên Đại học Huế, sau mới cho về Linh Mục. Cũng trong năm này, Ngài vào Saigon thăm và phát biểu về con đường hoàng pháp thời nghịch chướng trước Hội đồng Lương viện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại chùa Ấn Quang. Hội đồng Lương viện cung thỉnh Ngài vào Hội đồng Trưởng lão và công cử Ngài giữ chức vụ Chánh Thư ký Viện Tăng Thống, Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất. Năm 1979, Đức Đệ nhị Tăng thống, Hoà thượng Thích Giác Nhiên viên tịch. Thời điểm này cuộc đàn áp Phật giáo Việt Nam Thống nhất lên đến cao điểm khốc liệt, nên Giáo hội không thể tổ chức Đại hội VIII để suy cử Đức Đệ tam Tăng thống. Do Đó, Hội Đồng Lương Viện cung thỉnh Ngài kiêm chức Xử lý Viện Tăng thống.

Trong các năm 1977, 1981, 1983, ba lần Ngài làm Đàn đầu Hoà Thượng các Đại giới đàn tại chùa

Báo Quốc và Trúc Lâm ở Huế cho hàng nghìn giới tử. Năm 1983, Ngài cảm thán bài Kệ, theo thể khổ phong ngũ ngôn tứ tuyệt:

*Hành thâm tỳ ni tạng
Giới thể tịnh trang nghiêm
Định lực tối ma đạo
Tuệ quang chiếu giác viên*

Năm 1978, Ngài chính thức lên tiếng phản đối nhà cầm quyền cộng sản bắt bớ, giam cầm, trái phép hàng giáo phẩm lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất; quyết liệt đòi hỏi phải đưa ra tòa xét xử những tên công an đã tra tấn Hòa thượng Thích Thiện Minh đến chết, và đòi trả tự do cho các Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ...

Năm 1981, Ban tổ chức Đại hội Thống nhất Phật giáo của Nhà nước gửi thư mời Ngài tham dự Đại hội, tổ chức tại chùa Quán sứ Hà Nội từ ngày 4 đến 7.11 dương lịch. Nhưng Ngài từ chối không tham dự. Mặc dù vắng mặt, Đại hội này vẫn công cử Ngài vào chức Đệ nhất phó Pháp chủ kiêm Giám luật Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Nhà nước). Ngài liền viết thư phủ nhận, lấy lý do Ngài “còn một trách nhiệm lớn đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, trong cương vị Chánh Thư ký kiêm Xử lý Viện Tăng thống”.

Năm 1981, Ngài bắt đầu lặn lẽ một mình trong lieù, tự mình điều chỉnh máy ghi âm, và tự thuật khoảng đời giông tố vừa qua vào hai cuốn băng từ, dài 135 phút. Các câu chuyện kể trong “lời tự thuật” này là sử liệu quan trọng và vô giá cho dân tộc và Phật giáo Việt Nam ở hậu bán thế kỷ XX.

Năm 1982, nhân danh Chánh Thư ký kiêm Xử lý Viện Tăng thống, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Ngài ký công văn số 02-82/Viện Tăng Thống, đề ngày 14.7 dương lịch, gửi cho Hòa thượng Thích Trí Thủ, Chủ tịch Hội đồng Tri sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt (Nhà nước), cực lực phản đối việc Ban Tri sự Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh ngang nhiên đến đoạt thủ Trụ sở Trung ương Hội đồng Lưỡng viện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại chùa Ấn Quang, Saigon. Ngày 10.12.1985, Ngài viết thư cho Bộ trưởng Bộ Nội vụ Mai Chí Thọ, yêu cầu

trả tự do cho các Đại đức Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), Thích Tuệ Sỹ và Thích Nguyên Giác.

Suốt thời gian sau 1975, Ngài không ngừng giảng dạy Kinh Luật cho Tăng Ni ở Huế tại các chùa Linh Mục, Báo Quốc, Linh Quang. Các sách dịch và chú giải của Ngài gồm có: Cách thức Sám hối, Phương Pháp Tu Quán, Tứ Nhiếp Pháp, Cấm Ứng Tự Nhiên, Đầu Là Con Đường Hạnh Phúc, Đồng Mông Chỉ Quán, Sinh Mệnh Vô Tận Hay Là Thuyết Luân Hồi, Luật Tứ Phần Tử khu Ni Sao. Ngoài ra còn nhiều bài viết đăng trên các báo Viên Âm, Liên Hoa...

Mùa thu năm 1986, Ngài mang bệnh trầm trọng tưởng không qua khỏi, nhưng sau 3 tháng chữa trị sức khỏe hồi phục. Không người ngoại, với chí nguyện Bồ Tát, không yên tâm với sự ly cách và phân hóa của các Giáo hội Hải ngoại, đặc biệt tại Hoa Kỳ; trong khi ấy thế giới đột ngột biến chuyển với sự tan rã của Nhà nước Liên Xô và phong trào cộng sản trên thế giới. Nên ngày 10.9.1991, ngài viết bức Tâm Thư gửi đến chư Tăng Ni ở Hải Ngoại kêu gọi kết hợp thành khối để hỗ trợ cho sự phát huy Đạo pháp nơi quê nhà. Ngài nhấn mạnh đến sứ mệnh duy nhất của bậc Chúng Trung tôn là phát huy “bản thể của Tăng già mà đoàn kết hòa hiệp, thể hiện tinh thần tương kính, tương thuận, tương giáo, tương sám như luật dạy. Hãy vì sự tồn tại của Giáo hội, vì sự quang vinh của Đạo pháp và Dân tộc mà gạt bỏ những quan niệm di biệt”.

Bức Tâm Thư đã gây chấn động tâm thức hàng Giáo phẩm cùng đại khối Cư sĩ Phật tử hải ngoại và được nồng nhiệt đáp ứng. Ngày 31.10.1991, Ngài nhân danh Chánh Thư ký Xử lý Viện Tăng thống gửi bức Thông Điệp đến chư Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni và Đồng bào Phật tử Hải ngoại, với 4 điều khuyến thỉnh:

1. Một “Giáo hội hợp nhất lấy tên Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại Hải ngoại”
2. Giáo hội này “căn bản dựa vào Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất ban hành năm 1964”, “trực tiếp lãnh đạo và chịu trách nhiệm với Hội đồng Lưỡng viện tại quê nhà”, “nhằm thể hiện tinh thần hòa hiệp cao độ, tạo cho

lịch sử truyền giáo của Giáo hội tại Hải ngoại có hệ thống chặt chẽ và quy mô hơn”

3. “Đặc biệt, tại Hoa Kỳ hiện có 6 đến 7 tổ chức Phật giáo Việt Nam, yêu cầu khẩn cấp vận động, điều hợp thành một Giáo hội duy nhất, và đề nghị nên hoãn hỷ tự ý ngừng sinh hoạt các tổ chức riêng lẻ hiện có”

4. Giáo hội tại quê nhà cũng như cá nhân tôi và quý vị trong Hội đồng Lương viện sẽ không liên hệ mọi Phật sự với bất cứ một tổ chức Phật giáo Việt Nam nào ở Hải ngoại, nếu như ở đó chưa có một giáo hội thật sự thống nhất”.

Bức Thông điệp minh xác lập “trước sau như một” của Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống nhất: “*Riêng tại quê nhà, mặc dù trải bao biến cố dồn dập của đất nước trong những năm tháng đã qua, nhưng tôi và quý vị trong Hội đồng Lương viện của Giáo hội vẫn giữ đúng truyền thống của Phật giáo Việt Nam, trước sau như một. Sự chịu đựng kiên trì ấy, phải chăng đã làm sáng tỏ thêm đặc tính nổi bật của Phật giáo Việt Nam là luôn luôn gánh liền với vận mệnh dân tộc*”.

Ngài đã để chúc thư viết ngày 15.11.1991 phú chúc 5 điều:

1. Hội đồng Lương viện tiếp tục sứ mệnh của mình: Lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành các Phật sự của Giáo hội trong mọi hoàn cảnh.

2. Tiếp tục thực thi hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (bản tu chính ngày 12.2.1973 bởi Đại hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất Kỳ V).

3. Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Quyền Viện trưởng Viện Hóa Đạo, Hòa thượng Thích Pháp Trí, Phó Viện trưởng, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Tổng Thư ký Viện Hóa Đạo, theo quyết nghị của Đại hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất Kỳ VII, có trách nhiệm cùng quý vị còn lại trong Hội đồng Lương viện, tiếp tục điều hành các Phật sự của Giáo hội cho đến khi tổ chức được Đại hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất Kỳ VIII.

4. Khi hoàn cảnh thuận tiện, Hòa thượng Quyền Viện trưởng Viện Hóa Đạo sẽ triệu tập Đại hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Kỳ VIII.

5. Đặc biệt lưu tâm một Phật sự mới, là giáo hội Hải ngoại đang tiến hành tổ chức thống nhất các giáo hội đơn phương và đang hướng về đặt dưới sự lãnh đạo của Giáo hội nhà.

Sau ba văn kiện lịch sử là chuyển hóa thời cơ cho tiền đồ Phật giáo Việt Nam trong cũng như ngoài nước, pháp thể Ngài khiếm an rồi an thần thị tịch vào lúc 20 giờ đêm 23.4.1992 nhằm ngày 21 tháng 3 Nhâm Thân, tại Tổ đình Linh mục, Huế. Lễ nhập kim quan cử hành lúc 15 giờ ngày 24.4.1992 và lễ rước kim quan nhập Bảo tháp ngày 3.5.1992, nhằm ngày mồng 1 tháng 4 Nhâm Thân.

Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế phụng thảo

P.L 2544 – Paris, ngày 12.7.2000

BAN HƯỚNG DẪN TRUNG ƯƠNG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM - ÂU CHÂU

Chân thành tri ân THƯỢNG TỌA THÍCH NHƯ ĐIỂN

trụ trì chùa Viên Giác (Đức quốc)

đã hoãn hỷ in cho chúng con tập Nội San Sen Trắng này.

Ngoài ra, vào những dịp Đại Lễ, Thượng Tọa còn từ bi

ủng hộ tịnh tài cho BHDTƯ làm phương tiện sinh hoạt.



GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT
VIỆN - HOÁ - ĐẠO
(VĂN PHÒNG II)
BAN-HƯỚNG-DẪN GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ VIỆT-NAM TẠI HẢI-NGOẠI

VPTT : 4748 Cajon Blvd., San Diego, CA. 92115 USA. Tel. (619) 281-6079 * Fax (619) 281-6080
E-mail : BhdHN@aol.com * Web side : <http://www.gdpt.net>

LỜI CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI

Ngưỡng bạch Chư Tôn Thiền Đức Giáo Phẩm
Kính thưa Đại Hội

Hân hoan đón mừng ngày vui trọng đại Đại Hội, Phái đoàn Ban Hướng Dẫn GDPTVN tại Hải Ngoại chúng con, xin kính cẩn đánh lễ Chư Tôn Đức Giáo Phẩm . Và, thay mặt tập thể, chúng con/ chúng tôi xin trân trọng chuyển đệ Đại Hội lời chào mừng nồng nhiệt nhất của cộng-đồng GDPTVN trên Hải ngoại .

Sau quốc biến nghiệt ngã và quốc nạn đau thương 1975, cùng với làn sóng đồng bào đi lánh cư, Tổ chức GDPTVN đã dần dần được khai lập, củng cố, phát triển, và hôm nay đã có mặt sinh hoạt khắp cùng Châu lục Hải ngoại .

Để kiện toàn, quy-cử hóa cấu trúc, qua Đại hội GDPTVN tại Hải ngoại vừa được tổ chức tại Âu Châu; Ban Hướng dẫn GDPTVN tại Hải ngoại đã chính thức được khai lập. Là Tổ chức cơ hữu của GHPGVN Thống Nhất, theo Nội quy truyền thống GDPT VN và qua tinh thần Đại Hội 8 Giáo Hội năm 1999, Đại Hội GDPTVN Hải ngoại đã quyết nghị vị trí của tân Ban Hướng Dẫn Hải ngoại :

Trực thuộc cơ chế ứng xử khế cơ hiện nay của GHPGVN Thống nhất :
Viện Hóa Đạo (Văn Phòng 2)

Thực thi quyết nghị của Đại Hội nói trên, Ban Hướng Dẫn GDPTVN Hải ngoại tân lập đã đệ trình Giáo Hội thành quả Đại Hội GDPTVN Hải Ngoại và thành phần Ban Hướng Dẫn Hải ngoại tân lập, nhiệm kỳ 2000-2004, thỉnh cầu Viện Hóa Đạo (Văn Phòng 2) phê chuẩn nhiệm hành .

Ngưỡng bạch Chư Tôn Thiền Đức Giáo phẩm
Kính thưa Đại Hội

Tổ chức GDPT VN đã cùng “ vui lên mà đi ” được một đoạn đường dài .

Với Pháp Nạn - Quốc nạn - GDPT nạn trầm trọng hiện nay tại quê nhà, con đường “ cùng vui lên mà đi ” trong hiện tại và tương lai, chắc chắn còn nhiều khó khăn, chướng ngại và thử thách hơn nữa . Nhưng với Tín lực xác lập, cộng-đồng GDPTVN trên toàn cầu xin nguyện tiếp tục Quyết tâm, Quyết chí trên đường tinh tấn phục vụ Mục đích - Lý tưởng quy hướng và phụng sự Đạo Pháp Truyền thống, là Tôn giáo đã gắn liền với Dân tộc trong suốt dòng lịch sử của đất nước Việt Nam.

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát



GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT
VIỆN - HOÁ - ĐẠO
(VĂN PHÒNG II)
BAN-HƯỚNG-DẪN GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ VIỆT-NAM TẠI HẢI-NGOẠI

VPTT : 4748 Cajon Blvd., San Diego, CA. 92115 USA. Tel. (619) 281-6079 * Fax (619) 281-6080
E-mail : BhdHN@aol.com * Web side : <http://www.gdpt.net>

LỜI CHÀO MỪNG HẠNH NGỘ

Thưa anh chị em thân mến

Vì một biến cố bất ngờ chợt đến, phải được điều trị tại Bệnh Viện, Tâm Huệ rất tiếc đã không được duyên may “tay bắt mặt mừng” với những “đồng hội, đồng thuyền” trong dịp may hiếm có hôm nay, như đã mong ước từ lâu.

Bắt đầu từ năm 18 tuổi, Tâm Huệ được niên trưởng trao truyền chiếc còi Huynh trưởng. Và, kể từ ngày nhận còi, Tâm Huệ bắt đầu lâm bệnh” Hát không hay, nhưng hay hát”. Tâm Huệ cũng như một số đồng anh chị em đã tâm đắc với đoản khúc

*‘ Tung lên trên Trời xanh tiếng hát
Êm như ru chiều hôm gió mát
Chim lú lo trên không trung tung bùng
Ta Áo lam, vui vui vui không ngừng’*

Tâm Huệ đã “Ta Áo Lam, vui vui vui không ngừng” trong suốt 50 năm tại quê nhà, 7 năm ở Hải ngoại. Tâm Huệ đã “vui vui vui không ngừng dưới hầm tàu đen tối, đưa đến một địa điểm có tên gọi mỹ miều “Trại tập trung cải tạo” để được thực tập “Trại sinh Vạn hạnh” tại địa điểm tập trung, với những năm tháng ngút ngàn, của một trại dai dẳng không quy định ngày kết thúc.

Tâm Huệ luôn luôn nhủ thầm “Hát để át phiền não - Tái tạo niềm vui - Đẩy lùi vọng động - Nhân rộng Tình lam - Chỉ nam Huynh Trưởng - Âm hưởng vang xa - La là lạ, lạ là la” Tâm Huệ đang hát: “Hát ngày chưa đủ, tranh thủ hát đêm, hát thêm về sáng, hát ráng hùng đông, hát thông 24 giờ mỗi ngày” Xin mời tất cả anh chị em cùng hòa nhập tâm ca để thực tâm thực lòng “Át phiền não- Tái tạo niềm vui - Đẩy lùi vọng động - Nhân rộng Tình Lam”

Xin chí tâm cầu nguyện tất cả chúng ta, luôn luôn tỉnh thức với tiếng hát “Hát hay không bằng hay hát” để cùng nhau QUY NHẤT chung cùng Hệ thống của nửa triệu Đoàn viên tại ngũ trên toàn cầu, thành thực thể gắn bó chặt chẽ của Hậu bị Giáo Hội PGVN Thống Nhất trong giai đoạn Hóa Đạo đầy dẫy cam go và nghiệt ngã hiện tại.

Kính chúc quý anh chị em

“Đường dài chúng ta cùng vui lên mà đi ..Hò dô ta !”

TÂM HUỆ